TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **68**/2025/HS-ST
Ngày: 08/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Đình Tiến

2. Ông Phú Minh Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2025/TLST-HS ngày 21/3/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST-HS ngày 18/4/2025, đối với bị cáo:

1. Hà Ngọc T; sinh ngày: 19/3/1994; tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 2 Ấp C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Không nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc T1; và bà: Hà Thị Ngọc B (C); chưa có vợ con; tiền án: Ngày 06/5/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số 108/2014/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2016, chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung, chưa xóa án tích; Ngày 21/02/2017, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 49/2017/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/6/2020, chưa xóa án tích; Ngày 24/02/2022, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 16/2022/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/7/2024, chưa xóa án tích; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 16/8/2024. (Có mặt).

2. Nguyễn Văn H; sinh ngày: 26/12/1969; tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 219 lô C3, chung cư T, Phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Nhà không số, KP11, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn H1 (C); và bà: Nguyễn Kim A (C); chưa có vợ con; tiền án: Ngày 09/11/2022, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 156/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/4/2024, chưa xóa án tích; tiền sự: Ngày 21/3/1983, bị Ủy ban nhân dân Thành phố H đưa đi tập trung cải tạo về hành vi "Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân" theo Quyết định số 646/QĐ-UB, đã xóa tiền sự; Ngày 19/5/1988, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài của công dân" theo bản án số 127/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/6/1988, đã xóa án tích; Ngày 10/11/1988, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân" theo bản án số 175/1988/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích; Ngày 09/3/1992, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" theo bản án số 63/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích; Ngày 28/11/1995, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" theo bản án số 1713/HSST đã chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích; Ngày 23/01/2003, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tải sản" theo bản án số 11/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích; Ngày 11/4/2013, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 125/2013/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/9/2015, đã xóa án tích; bị bắt, tạm giam ngày: 16/8/2024. (Có mặt)

3. Trần Thái Thuận T2; sinh ngày: 09/10/1991; tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 6 N, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 6 N, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Thái T3; và bà: Nguyễn Thị Ngọc D; chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 26/9/2008, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 109/2008/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2009, đã xóa án tích; Ngày 13/07/2010, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 62/2010/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/8/2013, đã xóa án tích; Ngày 28/08/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 183/2015/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/4/2019, đã xóa án tích; bị bắt, tạm giam ngày: 16/8/2024. (Có mặt)

4. Từ Ngọc V1; sinh ngày: 29/8/1995; tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: E Lô R, Phường I, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Nhà không số (kế nhà số H), khu phố A, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Từ

Viết A1; và bà: Lê Thị Hồng D1; chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 07/3/2014, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 140/2014/HSPT, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/9/2014, đã xóa án tích ; Ngày 22/9/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 83/2015/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/02/2018, đã xóa án tích; bị bắt, tạm giam ngày: 16/8/2024. (Có mặt)

5. Nguyễn Thanh P; sinh ngày: 12/12/1982; tại tỉnh Tiền Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nơi ở hiện tại: 6 Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán điện thoại; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thanh Q; và bà: Phạm Thị C; chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 17/8/2024, từ ngày 18/11/2024 đến nay, bị can bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

Bị hại:

1. Bà La Tiểu M, sinh năm 2005, địa chỉ thường trú: Số C đường T, khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ liên lạc: Số H đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Bà Thi Huệ Đan V, sinh năm 2004, địa chỉ thường trú: Số D đường L, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ liên lạc: Số D đường P, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Bà Vũ Thị Thúy A2, sinh năm 2005, địa chỉ thường trú: Tổ B, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước, địa chỉ liên lạc: Số A đường P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đình T4, sinh năm: 1967, địa chỉ thường trú: Số B V, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ liên lạc: Số B đường V, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Ông Cao Đình T5, sinh năm 1987, địa chỉ thường trú: Số F đường số A, khu phố A, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ liên lạc: Số F đường số A, khu phố A, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm, 1979, địa chỉ thường trú: Số B khu phố I, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ liên lạc: Số A chung cư Đ, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có công việc ổn định, Hà Ngọc T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên T đã thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn Quận 1 và quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ 45 phút ngày 31/7/2024, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Winner X, màu xanh đen, biển số 59S3-543.10 đến quán C1, số D đường P, Phường N, Quận 1, dựng xe trên vỉa hè sau đó vào mua nước. Trong lúc chờ lấy nước, T phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu trắng, 128GB của bà Vũ Thị Thúy A2 để trên bàn pha chế, không có ai trông coi nên T dùng tay phải lén lút lấy trộm điện thoại di động trên rồi nhét vào túi quần bên trái, đi ra khỏi cửa hàng rồi lên xe mô tô biển số 59S3- 543.10 rời đi. Sau đó, T liên hệ Nguyễn Văn H nhờ bán điện thoại chiếm đoạt được, T nói cho H biết điện thoại trên do trộm cắp được mà có, Hiệp đồng ý bán giúp T. Sau khi nhận điện thoại Iphone 13 của T, H liên hệ rồi đưa điện thoại nhờ cháu là Trần Thái Thuận T2 đem đi bán, H nói cho T2 biết điện thoại trên do trộm cắp được mà có, T2 đồng ý bán giúp H. T2 liên hệ rồi đem điện thoại bán cho Từ Ngọc V1, T2 nói cho V1 biết điện thoại trên do trộm cắp mà có, V1 đồng ý mua và trả 4.500.000 đồng cho T2. Sau đó, T2 đem 4.500.000 đồng về đưa cho H và H cho T2 500.000 đồng tiền công. H đưa cho T 4.000.000 đồng tiền bán điện thoại và T cho H 500.000 đồng tiền công. Sau khi V1 mua điện thoại Iphone 13 từ Thành thì đem bán cho Nguyễn Thanh P, P đồng ý mua và trả 5.000.000 đồng cho V1, V1 hưởng lợi 500.000 đồng. Quá trình mua điện thoại, H, T2, V1 đều biết rõ đây là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý giúp sức tiêu thụ để hưởng lợi.

Theo Kết luận định giá tài sản số 140/KL-HĐĐGTS ngày 13/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận 1 kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu trắng, 128GB, đã qua sử dụng, chưa thu hồi, tại thời điểm định giá ngày 31/7/2024 có giá 10.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 02/8/2024, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Winner X, màu xanh đen, biển số 59S3-543.10 đến quán T6, số E L, Phường A, quận G, dựng xe bên ngoài sau đó vào trong mua nước. Trong khi chờ lấy nước, T phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng, 128GB của bà La Tiểu M để trên bàn pha chế, không có ai trông coi nên T dùng tay phải lén lút lấy trộm điện thoại di động trên rồi nhét vào túi quần bên trái cất giữ trong người, đi ra khỏi quán rồi lên xe mô tô biển số 59S3-543.10 rời đi.

Vụ thứ ba: Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày 02/8/2024, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Winner X, màu xanh đen, biển số 59S3-543.10 đến quán K, số D P, Phường E, quận G, dựng xe trên vỉa hè rồi đi vào trong mua nước. Thạch phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus, màu đỏ, 256GB của bà Thi H2 Đan Vy đang cắm sạc, để trên quầy tính tiền không có người trông coi nên T dùng tay phải lén lút lấy trộm điện thoại di động trên rồi nhét vào túi quần bên trái, đi ra khỏi quán rồi lên xe mô tô biển số 59S3-543.10 rời đi.

Tương tự như vụ thứ nhất, sau khi chiếm đoạt điện thoại di động hiệu Iphone 11 của bà M và điện thoại di động hiệu Iphone 14 plus của bà V, T liên hệ rồi đưa 02 điện thoại trên và 01 điện thoại di động hiệu OPPO (là tài sản của T, bị vỡ 2 mặt) cho Nguyễn Văn H đem đi bán. Sau đó, H liên hệ rồi đưa 03 điện thoại trên nhờ cháu là Trần Thái Thuận T2 đem đi bán. T2 liên hệ rồi đem bán 03 điện thoại trên cho Từ Ngọc V1, V1 giữ lại điện thoại di động hiệu OPPO để sử

dụng, còn 02 điện thoại di động hiệu Iphone, V1 bán cho Nguyễn Thanh P. Khi bán, V1 nói cho P biết 02 điện thoại trên do trộm cắp mà có. Sau khi kiểm tra điện thoại, P đồng ý mua và trả cho V1 9.000.000 đồng tiền mua 02 điện thoại di động hiệu Iphone. V1 nhận tiền và trả cho T2 8.500.000 đồng tiền mua 03 điện thoại (V1 hưởng lợi 500.000 đồng). Tiếp đó, T2 đưa cho H 8.500.000 đồng tiền bán 03 điện thoại thì H cho T2 700.000 đồng tiền công. Còn lại 7.800.000 đồng, H tự bỏ ra 200.000 đồng để đưa cho T đủ số tiền 8.000.000 đồng tiền bán 03 điện thoại di động thì T cho H 500.000 đồng tiền công (H hưởng lợi 300.000 đồng). Quá trình mua điện thoại, H, T2, V1 và P đều biết rõ đây là các tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý giúp sức tiêu thụ để hưởng lợi.

Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, các bị hại Vũ Thị Thúy A2, La Tiểu M và Thi H2 Đan Vy đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 và quận G đã tổ chức truy xét, triệu tập Hà Ngọc T, Nguyễn Văn H, Trần Thái Thuận T2, Từ Ngọc V1 và Nguyễn Thanh P về trụ sở làm rõ.

Theo Kết luận định giá tài sản số 163/KL-HĐĐGTS ngày 23/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp quận Ủy ban nhân dân quận G kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng, 128GB, số imei 357959803989405, đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 02/8/2024 có giá 4.866.667 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 plus, dung lượng 256GB, số imei 356300792225231, đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 02/8/2024 có giá 13.933.333 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Hà Ngọc T, Nguyễn Văn H, Trần Thái Thuận T2, Từ Ngọc V1 và Nguyễn Thanh P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Lời khai của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, biên bản đối chất, biên bản nhân dạng, hình ảnh camera và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu trắng, 128GB (chưa thu hồi được).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng, 128GB, Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho bị hại La Tiểu M.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 plus, màu đỏ, 256GB, Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho bị hại Thi H2 Đan Vy.

Thu giữ của Hà Ngọc T*:*

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Winner X. màu xanh đen, biển số 59S3- 543.10. Qua xác minh, xe mô tô trên do ông Nguyễn Đình T4 (sinh năm: 1967, HKTT: 2 V, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên. Sau đó, ông T4 bán xe mô tô cho ông Cao Đình T5 (sinh năm: 1977, HKTT: 68 đường số A, tổ A, khu phố A, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) khi bán có lập hợp đồng ủy quyền có công chứng. Ông T5 tiếp tục bán xe mô tô cho ông Nguyễn Ngọc T1 (sinh năm: 1977; HKTT: 24/35 khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) là cha của T. Ông T1 khai đưa xe mô tô trên cho

T sử dụng làm phương tiện đi lại, không biết việc T sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội;

- 01 (một) nón kết màu đen trắng, 01 (một) đôi dép là trang phục T sử dụng khi phạm tội;

- 01 (một) điện thoại di động Realme Note 50 do T sử dụng liên lạc phạm tội.

Thu giữ của Nguyễn Văn H*:*

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 13C do H sử dụng liên lạc phạm tội.

Thu giữ của Trần Thái Thuận T2*:*

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi Poco C40 do T2 sử dụng liên lạc phạm tội.

Thu giữ của Nguyễn Thanh P*:*

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 230, màu đen do P sử dụng liên lạc phạm tội;

- 01 (một) máy tính xách tay hiệu HP là tài sản cá nhân của P;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu hồng;

- 04 (bốn) điện thoại di động hiệu Iphone các loại, không có hóa đơn chứng từ mua bán, không rõ nguồn gốc, không khởi động được, P khai mua của những người khách (không rõ lai lịch) để lấy linh kiện; khi bán điện thoại, khách không nói cho P nguồn gốc từ đâu mà có.

Tất cả vật chứng hiện được nhập kho của Công an Q1.

Trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Vũ Thị Thúy A2 yêu cầu nhận lại tài sản bị trộm cắp là điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu trắng, 128GB, nếu không thu hồi được thì bồi thường cho bà A2 12.000.000 đồng.

- Các bị hại La Tiểu M, Thi Huệ Đan V đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Bản Cáo trạng số 77/CT-VKSQ1 ngày 17/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố bị cáo Hà Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nguyễn Văn H, Trần Thái Thuận T2, Từ Ngọc V1, Nguyễn Thanh P về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Hà Ngọc T, Nguyễn Văn H, Trần Thái Thuận T2, Từ Ngọc V1, Nguyễn Thanh P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

+ Bị cáo Hà Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản", đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, tình tiết tăng tại điểm g khoản 1 Điều 52, tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tại điểm s khoản 1 Điều 51, đề nghị xử phạt bị cáo Hà Ngọc T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

+ Bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thái Thuận T2, Từ Ngọc V1, Nguyễn Thanh P phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự, tình tiết tăng nặng điểm g, h khoản 1 Điều 52 và tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tại điểm s khoản 1 Điều 51, đề nghị xử phạt bị cáo H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự, tình tiết tăng nặng điểm g khoản 1 Điều 52 và tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo T2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; bị cáo V1 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự, và tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng tại điểm i, s khoản 1 Điều 51, đề nghị xử phạt bị cáo P 06 tháng đến 12 tháng tù.

Về phần dân sự buộc bị cáo Hà Ngọc T bồi thường cho Vũ Thị Thúy A2 12.000.000 đồng. Vật chứng: 01 (một) điện thoại di động Realme Note 50, 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 13C, 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi Poco C40, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 230, màu đen cần tịch sung quỹ nhà nước; 01 (một) nón kết màu đen trắng, 01 (một) đôi dép không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy; 01 (một) máy tính xách tay hiệu HP, 04 (bốn) điện thoại di động hiệu Iphone các loại, không khởi động được, là tài sản cá nhân của bị cáo P, cần trả cho bị cáo; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Winner X. màu xanh đen, biển số 59S3- 543.10 trả cho ông Nguyễn Ngọc T1. 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu hồng không xác định được chủ sở hữu, cần thông báo tìm chủ sở hữu, nếu không tìm được thì tịch thu sung quỹ nhà nước.

Các bị cáo Hà Ngọc T, Nguyễn Văn H, Trần Thái Thuận T2, Từ Ngọc V1, Nguyễn Thanh P không tranh luận, bào chữa

Các bị cáo Hà Ngọc T, Nguyễn Văn H, Trần Thái Thuận T2, Từ Ngọc V1, Nguyễn Thanh P nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Hà Ngọc T, Nguyễn Văn H, Trần Thái Thuận T2, Từ Ngọc V1, Nguyễn Thanh P phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định bị cáo Hà Ngọc T đã nhiều lần có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại. Tài sản chiếm đoạt của bị hại bà Vũ Thị Thúy A2 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu trắng, 128GB, đã qua sử dụng, có giá trị 10.000.000 đồng; chiếm đoạt của bà La Tiểu M 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng, 128GB, đã qua sử dụng, có giá trị 4.866.667 đồng; chiếm đoạt của bà Thi H2 Đan Vy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 plus, dung lượng 256GB, số imei 356300792225231, đã qua sử dụng, có giá trị 13.933.333 đồng. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thái Thuận T2, Từ Ngọc V1, Nguyễn Thanh P biết rõ các điện thoại là tài sản bị chiếm đoạt nhưng vẫn đem đi tiêu thụ để hưởng lợi.

[3] Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Hà Ngọc T đã phạm "Tội trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thái Thuận T2, Từ Ngọc V1, Nguyễn Thanh P phạm "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự (năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì động cơ vụ lợi, bị cáo Hà Ngọc T đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ; các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thái Thuận T2, Từ Ngọc V1, Nguyễn Thanh P đã tiếp tay, khuyến khích cho tội phạm đồng thời gây khó khăn cho Cơ quan điều tra trong việc điều tra, thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng rất xấu đến an ninh trật tự xã hội, thể hiện bị cáo rất liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Về nhân thân của bị cáo Hà Ngọc T xấu, đã 03 lần bị Tòa án xét xử, đã tái phạm, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tính nguy hiểm của hành vi bị cáo Hà Ngọc T thực hiện còn thể hiện ở việc bị cáo phạm tội 3 lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thái Thuận T2, Từ Ngọc V1, Nguyễn Thanh P phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H, T2, V1 mua bán 02 lần đối với 03 điện thoại bị cáo T chiếm đoạt, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về nhân thân, bị cáo H đã nhiều lần phạm tội, nhân thân rất xấu, trong đó có 01 tiền án, chưa được xóa án, thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo T2, V1 có nhân thân rất

xấu, đã nhiều lần phạm tội, tuy nhiên đã được xóa án. Bị cáo V1 khai cả 2 lần sau khi mua của bị cáo T2 đều bán cho bị cáo P và bị cáo P cũng đã thừa nhận, tuy nhiên ở ngày 31/7/2024 thì V1 khai bán cho P chiếc Iphone 13, màu trắng, nhưng P khai là mua chiếc Iphone 13, màu hồng, phù hợp với vật chứng thu giữ của P nên đây không phải là tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án này. Vì vậy, không có cơ sở để xử lý đối với bị cáo P về tình tiết phạm tội từ 02 lần trở lên.

Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và nêu gương phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Xét thấy hoàn cảnh của các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Bị hại Vũ Thị Thúy A2 yêu cầu bồi thường tài sản bị chiếm đoạt là điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu trắng, 128GB là 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo T tự nguyện chịu bồi thường theo yêu cầu của chị A2 nên ghi nhận và buộc bị cáo bồi thường. Các bị hại La Tiểu M, Thi Huệ Đan V đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên ghi nhận.

- Bị cáo T bán 02 điện thoại, lấy được số tiền 8.000.000 đồng. 02 điện thoại này đã thu hồi từ bị cáo P, lẽ ra cần buộc bị cáo T trả tiền lại cho bị cáo P, tuy nhiên đây là tài sản giao dịch trái pháp luật nên cần buộc bị cáo T nộp lại số tiền 8.000.000 đồng, tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Bị cáo H tiêu thụ tài sản, được hưởng lợi 800.000 đồng, bị cáo T2 hưởng lợi 1.200.000 đồng, bị cáo Vũ hưởng lợi 1.000.000 đồng, cần buộc các bị cáo nộp lại, tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[6] 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Winner X. màu xanh đen, biển số 59S3- 543.10. Qua xác minh, xe mô tô trên do ông Nguyễn Đình T4 đứng tên. Ông T4 bán xe mô tô cho ông Cao Đình T5, khi bán có lập hợp đồng ủy quyền có công chứng. Ông T5 bán xe mô tô cho ông Nguyễn Ngọc T1 là cha của T. Ông T1 khai đưa xe mô tô trên cho T sử dụng làm phương tiện đi lại, không biết việc T sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội, vì vậy, cần trả xe lại cho ông T1.

+ 01 (một) điện thoại di động Realme Note 50 thu giữ của bị cáo T, 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 13C thu giữ của bị cáo H, 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi Poco C40 thu giữ của bị cáo T2, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 230, màu đen thu giữ của bị cáo P, các bị cáo sử dụng để liên lạc phạm tội nên cần tịch nộp ngân sách nhà nước.

+ 01 (một) nón kết màu đen trắng, 01 (một) đôi dép là trang phục T sử dụng khi phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu hồng bị cáo P khai mua của bị cáo V1, qua xác minh không phải là điện thoại bị chiếm đoạt trong vụ án này, hiện không rõ chủ sở hữu nên cần thông báo tìm chủ sở hữu, không tìm được thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ 01 (một) máy tính xách tay hiệu HP, 04 (bốn) điện thoại di động hiệu Iphone các loại, không khởi động được, P khai mua của những người khác để lấy linh kiện là tài sản cá nhân của bị cáo P, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả cho bị cáo.

[7] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Hà Ngọc T còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Hà Ngọc T phạm "Tội trộm cắp tài sản"; bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thái Thuận T2, Từ Ngọc V1, Nguyễn Thanh P phạm "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, xử phạt:

1. Bị cáo Hà Ngọc T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, xử phạt:

2. Bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, xử phạt:

3. Bị cáo Trần Thái Thuận T2 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2024.

4. Bị cáo Từ Ngọc V1 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, xử phạt:

5. Bị cáo Nguyễn Thanh P 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 17/8/2024 đến ngày 18/11/2024.

Tiếp tục tạm giam Hà Ngọc T, Nguyễn Văn H, Trần Thái Thuận T2, Từ Ngọc V1 để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Hà Ngọc T bồi thường cho bị hại Vũ Thị Thúy A2 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

+ Buộc bị cáo Hà Ngọc T nộp 8.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn H nộp 800.000 đồng, bị cáo Trần Thái Thuận T2 nộp 1.200.000 đồng, bị cáo Từ Ngọc V1 nộp 1.000.000 đồng, tịch thu nộp ngân sách nhà nước

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Realme Note 50, 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 13C, 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi Poco C40, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 230, màu đen.

+ Trả cho bị cáo Nguyễn Thanh P: 01 (một) máy tính xách tay hiệu HP, 04 (bốn) điện thoại di động hiệu Iphone các loại, không khởi động được.

+ Trả cho ông Nguyễn Ngọc T1: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Winner X, màu xanh đen, biển số 59S3- 543.10, số khung RLHKC3701MY114295; số máy KC34E1255605.

+ Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật để tìm chủ sở hữu của 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu hồng số imei khe sim 351084398204924. Hết thời hạn 01 năm mà không tìm được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì tịch thu điện thoại để nộp ngân sách nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) nón kết màu đen trắng, 01 (một) đôi dép.

(Phiếu nhập kho vật chứng số 97/2025/PNK-THAHS ngày 26/02/2025 tại Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, mỗi bị cáo Hà Ngọc T, Nguyễn Văn H, Trần Thái Thuận T2, Từ Ngọc V1, Nguyễn Thanh P chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Hà Ngọc T chịu 600.000 (Sáu trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáocó quyền kháng cáo bản án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Bị cáo, Bị hại, Người có QLNVLQ;
- VKSND, CA, Chi cục THA Quận 1;
- PC27;
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Tôn Trung Tuấn